



# HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRUYỀN THỐNG Ở THÁI LAN

ThS. NGUYỄN VĂN THÔNG

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế

## 1. Đặt vấn đề

Là một trong các quốc gia ở Đông Nam Á có số lượng tín đồ Phật giáo đông đảo nhất (94-95% dân số), ngay từ khi mới hình thành nhà nước và đặc biệt từ thế kỉ XIV đến đầu thế kỉ XX, Phật giáo ở Thái Lan ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa - xã hội, tinh thần của nhân dân và mau chóng trở thành quốc giáo nơi đây.

Theo các nhà nghiên cứu đánh giá, ngôi chùa là 1 trong 5 thành phần cơ cấu nên một làng ở Thái Lan, đó là: Gia đình, họ hàng, dân tộc, chùa, trường học. Ở đây, chùa và trường học quyết định bộ mặt của một làng và tình cảm của dân chúng đối với nhà chùa. Trên cơ sở đó, Giáo hội Tăng-già (Sangha) Thái Lan đã sớm đặt nền móng cho một hệ thống giáo dục Phật giáo trong cộng đồng xã hội không phân biệt giai cấp, chủng tộc được gọi là hệ thống giáo dục Phật giáo truyền thống.

## 2. Hệ thống giáo dục Phật giáo truyền thống

Khác với hệ thống giáo dục Phật giáo hiện đại không phân biệt đối tượng giáo dục, hệ thống giáo dục Phật giáo truyền thống ngay từ đầu đã phân chia đối tượng giáo dục thành hai loại: Phật học dành cho người xuất gia (tì-khuu, sa-di, tu nữ) và Phật học dành cho cư sĩ tại gia (thiện nam tín nữ, thanh thiếu nhi). Giới xuất gia là thành phần ưu tú của cộng đồng và có lí tưởng hướng thượng theo quan điểm của Phật giáo nên được nhà nước của hầu hết các triều đại và xã hội ưu đãi trên nhiều lĩnh vực, trong đó có cả mặt giáo dục (phương tiện, nội dung, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy...)

### 2.1. Hệ thống giáo dục cho người xuất gia

Hệ thống giáo dục này có 2 chương trình: Nak Dham (Phật Pháp căn bản) và cổ ngữ Pāli. Cơ sở giảng dạy thường được đặt ở các chùa lớn, có đội ngũ giáo thọ sư (giáo viên Phật học) có trình độ, năng lực giảng dạy và có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu (phòng học, giáo tài ...).

**Phật Pháp căn bản (Nak Dham):** 3 lớp (Nak Dham ti; Nak Dham thô; Nak Dham ek), thường đào tạo từ 2-3 năm, mỗi lớp học khoảng 6 tháng. Nội dung học được chia thành ba trình độ: Sơ cấp, trung cấp và cao cấp với 4 môn học như sau: Tập viết luận văn; Phật Pháp thường thức; Lịch sử Đức Phật và Giới luật người xuất gia.

**Pāli** (hay Pāli Phật Pháp): Phân thành 3 cấp, mỗi cấp 3 lớp (mỗi lớp được tính 1 năm). Cuối mỗi cấp, người học phải tham dự một kì thi. Nếu vượt qua được kì khảo hạch này, người học mới có thể học tiếp cấp

cao hơn. Học tăng/tu nữ nào đậu cả 3 cấp sẽ là một vinh dự lớn cho bản thân và cha mẹ vì được Hoàng gia ân tứ, ban tặng bổng lộc và nhiều vinh dự đặc biệt đến trọn đời.

- Sơ cấp: Có các lớp: 1, 2 và 3. Các chuyên đề gồm:

+ a-1 & a-2: Dành cho năm thứ 1 và năm thứ 2: Pāli cơ bản; Ngữ pháp và phiên dịch từ Pāli sang Thái. Giáo tài sử dụng là sách Ngữ pháp Pāli và Chú giải Pháp cú kinh từ tập 1 đến tập 4.

+ a-3: Dành cho năm thứ 3: Ngữ pháp Pāli; Phân tích và phiên dịch từ Pāli sang Thái. Giáo tài giảng dạy là Chú giải Pháp cú kinh tập 5-8. Những khía cạnh khác trong Ngữ pháp Pāli. Khảo sát năng lực nhớ và hiểu. Viết tiếng Thái tiêu chuẩn về mọi mặt, bao gồm văn phong thể tục lẫn Phật học.

- Trung cấp: Lớp 4, 5 và 6. Các chuyên đề gồm:

+ b-1: Dành cho năm thứ 4: Dịch từ Pāli sang Thái bản Chú giải bài kinh Mangala, phần 1 do một vị sư Thái Lan ở miền Bắc mở rộng phần Chú giải bài kinh này. Phiên dịch Pháp cú kinh quyển 1 từ Thái sang Pāli.

+ b-2: Dành cho năm thứ 5: Dịch từ Pāli sang Thái bản Chú giải kinh Mangala, phần 2. Dịch Pháp cú kinh quyển 2-4 từ Thái sang Pāli.

+ b-3: Năm thứ 6: Dịch từ Pāli sang Thái các phần 3, 4, 5 của bản kinh Samantapāsādikā; dịch từ Thái sang Pāli Chú giải kinh Pháp cú từ quyển 5 đến quyển 8. Kì thi vượt cấp có nội dung chi tiết hơn và phức tạp hơn kì thi trước.

- Cao cấp: Lớp 7, 8 và 9. Các chuyên đề gồm:

+ c-1: Năm thứ 7: Dịch từ Pāli sang Thái phần thứ 1 và phần thứ 2 bản kinh Samantapāsādikā; dịch từ Thái sang Pāli toàn bộ bản chú giải kinh Mangala.

+ c-2: Năm thứ 8: Dịch bộ Visuddhimagga từ Pāli sang Thái; dịch từ Thái sang Pāli phần 1 và phần 2 bản kinh Samantapāsādikā. Làm thơ (kệ) bằng tiếng Pāli theo đề tài tự chọn trong kì khảo hạch.

+ c-3: Năm thứ 9: Dịch bộ Abhidhammatth avibhavinī từ Pāli sang Thái; dịch bộ Visuddhimagga từ Thái sang Pāli và chọn đề tài viết một bài luận bằng tiếng Pāli trong kì khảo hạch.

### 2.2. Hệ thống giáo dục cho cư sĩ tại gia

Từ nửa đầu thế kỉ XX trở về trước, nhà chùa cũng là trường học dạy các trẻ nhỏ trong làng. Chư Tăng Phật giáo Thái Lan tự cho mình không những chỉ có nhiệm vụ dạy và giáo dục tinh thần cho nhân dân mà còn tự nguyện dạy tất cả các trẻ em trong nước không lấy tiền. Chính việc làm đó đã khiến cho họ xứng đáng được các bậc cha mẹ biết ơn, được các học trò của mình kính trọng. Nhà chùa là nơi đào tạo những

người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau. Ở đây, các em được học đọc, học viết, được dạy những nguyên lý đạo đức Phật giáo và một số những hiểu biết thông thường khác. Đối với nhân dân, nhà chùa có vai trò rất đặc biệt: Trường học cho trẻ em không phân biệt giai tầng trong xã hội, nhất là trong các triều đại phong kiến trước đây, các vị vua Thái Lan chỉ cố gắng lo việc giữ gìn bờ cõi và mở mang lãnh thổ hoặc điều khiển một số lễ lạt cần thiết, họ không quan tâm đến việc giáo dục dân chúng. Chính chư Tăng trong cộng đồng Phật giáo đã đảm đương việc giáo dục cho dân chúng.

Kể từ sau cuộc cách mạng 1932, Thái Lan tiếp tục đẩy mạnh công cuộc hiện đại hóa đất nước. Việc mở cửa học hỏi và làm theo phương Tây đã có những tác động mạnh mẽ tới văn hóa - xã hội truyền thống của Thái Lan. Bắt đầu từ đây, văn hóa - xã hội truyền thống Thái có nguy cơ bị văn hóa phương Tây lấn át, trong đó có Phật giáo. Tuy vậy, cho tới những năm 60 của thế kỷ XX, Phật giáo vẫn còn giữ được vai trò quan trọng nhất định trong xã hội Thái Lan. Giáo hội Tăng-già (Sangha) đã được cải tổ lại cho phù hợp với một đất nước có thể chế chính trị là nền quân chủ lập hiến. Mặc dù tìm mọi cách để phát triển đất nước theo khuôn mẫu phương Tây nhưng Chính phủ Thái Lan vẫn có ý thức bảo tồn truyền thống Phật giáo của mình và vẫn coi Phật giáo là quốc giáo.

Từ năm 1950, Phật giáo và đạo đức Phật giáo đã trở thành bộ môn bắt buộc trong tất cả các trường học và được đưa vào dạy từ lớp 1 trở lên. Năm 1960, Bộ Giáo dục đã mời hàng trăm nhà sư làm giáo viên trong các trường học nhà nước và được lĩnh lương tháng. Hệ thống giáo dục xã hội có Phật giáo tham gia đã trở thành chỗ dựa của chế độ hiện nay.

Ngay từ khi còn nhỏ cho đến lúc trưởng thành, mỗi người dân Thái Lan đều được giáo dục về tinh thần và nghĩa vụ đối với nhà vua, với đạo Phật, hiến pháp, chính phủ, gia đình, trường học, xã hội. Học sinh phải học đạo đức học và luân lý của đạo Phật. Chương trình học được sắp xếp như sau: Trong một tuần, học sinh phải học một giờ về đạo đức Phật giáo, hai giờ về cuộc đời và giáo lý của Đức Phật. Ít nhất một lần trong một tháng, học sinh được nghe nhà sư trong vùng đến giảng về đạo đức. Từ nhiều năm trước đây, sau khi chào cờ và trước khi bước vào lớp, học sinh đều phải đọc một đoạn kệ bằng tiếng Pāli để kính lễ và tán dương Phật, Pháp Tăng.

Phật giáo Thái Lan có uy tín rất lớn trong đời sống xã hội của nhân dân. Đặc biệt, ở các vùng nông thôn, ngôi chùa không chỉ là cơ sở tín ngưỡng, trung tâm tôn giáo mà còn là trung tâm tư vấn xã hội. Nhà chùa trước đây, khi Chính phủ Thái Lan chưa có cuộc cải cách về giáo dục, đóng hai vai trò quan trọng trong cơ cấu xã hội là tôn giáo và giáo dục. Hai yếu tố này thể hiện đời sống tâm linh, tình cảm và sự phát triển của ngôi làng.

Nhà chùa cũng là trường học. Hầu hết tại các

chùa đều có tổ chức dạy chữ và giáo dục đạo đức, nghi lễ Phật giáo, giáo lý cơ bản cho thanh thiếu nhi; nhiều chùa còn tổ chức dạy nghề thủ công, nghệ thuật truyền thống như ca vũ, vẽ tranh, làm tượng; hình thành những đội ngũ văn nghệ dân gian (đội múa, đội kèn trống, ban kịch,...) để phục vụ cộng đồng trong các lễ hội của địa phương và nhà chùa.

Trong nhà trường các cấp hiện nay, việc học tập đạo đức Phật giáo là cần thiết và được xem là môn học bắt buộc trong suốt thời gian ngồi trên ghế nhà trường. Đối với tầng lớp công chức nhà nước, đạo đức Phật giáo cũng là một trong những nội dung tư tưởng thường xuyên được chính phủ, chính quyền các cấp phổ biến, truyền bá. Chính phủ còn khuyến khích và tạo điều kiện để Phật giáo Thái được phổ biến ra nước ngoài thông qua Bộ Ngoại giao, các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán và các chùa Thái được xây dựng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Hơn nữa, nhà nước còn tạo điều kiện cho bất kỳ cá nhân nào trong hệ thống quan chức, công chức của nhà nước tham dự các khóa tu học Phật giáo như Xuất gia gieo duyên một thời gian, khóa thiền. Tại các chùa, trường đại học Phật giáo ở thành phố hoặc trung tâm tỉnh hiện nay có các lớp Phật Pháp ngày chủ nhật dành cho thanh thiếu nhi và người lớn tuổi; lớp tập thiền hàng tuần; ngoài ra, ở những nơi có điều kiện còn mở lớp dạy Vi Diệu pháp (Abhidhamma). Thường xuyên sinh hoạt tu học ở các chùa khắp cả nước vào ngày giới (uposatha). Đó là, mỗi tháng tính theo Âm lịch, vào các ngày 14, 15 và 29, 30 (hoặc 28, 29 của tháng thiếu) các Phật tử cư sĩ thường đến chùa làm phước (đặt bát, dâng thức ăn thức uống lên chư Tăng; cúng hoa, đèn lên Đức Phật), nghe chư sư thuyết Pháp, thọ 8 giới (ngày bình thường chỉ thọ 5 giới), hành thiền. Đa số Phật tử tham dự thường xuyên là người lớn tuổi hoặc đã nghỉ hưu. Họ tìm được niềm an ủi và sự thanh thản nội tâm trong các sinh hoạt này. Đây chính là phần đóng góp quan trọng của *hệ thống giáo dục Phật giáo truyền thống* cho người lớn tuổi và người già trong xã hội Thái Lan hiện nay.

### 3. Kết luận

Đặc điểm của nền giáo dục Thái Lan trong quá khứ, từ thời vua Ramkhamhaeng đến thời vua Rama IV (Mongkut), là vai trò chủ yếu của Phật giáo về giáo dục. Từ hoàng gia, quý tộc, quan lại đến dân chúng đều tiếp thu một nền giáo dục từ nhà chùa để biết đọc, biết viết và tiếp nhận một số kiến thức xã hội cơ bản cũng như Phật Pháp. Đạo đức Phật giáo thông qua giáo dục đã lan tỏa, thấm sâu vào người dân Thái, hình thành tính cách hiền hòa, chân thật, khiêm tốn, biết quan tâm đến người khác, tạo nên sự ổn định cho một xã hội bền vững.

Sau khi hệ thống giáo dục quốc gia từng bước hình thành và thay thế dần vai trò chủ đạo giáo dục của nhà chùa về dạy chữ, dạy kiến thức - từ thời vua



Rama V (Chulalongkorn), ảnh hưởng của Phật giáo tuy có sút giảm vì bị tác động từ nhiều mặt của xã hội nhưng chức năng giáo dục, giáo hóa nhân cách của Phật giáo vẫn được Chính phủ và dân chúng Thái Lan tôn trọng, duy trì. Hàng ngày, hàng tháng, người dân Thái, không phân biệt địa vị xã hội vẫn thường xuyên đến chùa học Đạo, làm phước, nghe giảng kinh, giảng Pháp Phật. Không ít người trong số họ vẫn phát tâm xuất gia gieo duyên một thời gian ngắn hoặc thu xếp công việc, việc học để đến một thiền viện hoặc một rừng thiền nào đó hành thiền vài ngày, nửa tháng để lấy lại trạng thái bình hòa trong tâm.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Thailand Office of the Prime Minister (2003), *National Education Act B.E. 2542 (1999) and Amendments (Second National Education Act B.E. 2545 (2002))*, Office of the National Education Commission, Bangkok.
2. Phạm Nguyên Long, Nguyễn Tương Lai (Chủ

biên) (1998), *Lịch sử Thái Lan*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

3. Buddhism in Thailand shared, [www.dropbox.com](http://www.dropbox.com), 8/1/2014.

4. Phra Rajavaramuni (B.E. 2530/1987 C.E.), *Thai Buddhism in the Buddhist world*, Thailand.

#### **SUMMARY**

*As one of biggest countries in Southeast Asia with Buddhist persons (94-95% of the population), since the newly formed State, and especially in the XIV century to the beginning of the XX century, Buddhism in Thailand is has grown much and played a very important role in the social and cultural life, the spirit of people and quickly became national religion. This article refers to educational system in terms of Buddhist tradition: the education system and monastic education system for laymen. Buddhist ethics through education has spread and penetrated the Thai people, forming gentle, honest and humble personalities, caring for others, creating stability for a sustainable society.*

## **GIẢI PHÁP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG... (Tiếp theo trang 44)**

việc khó và phức tạp bởi đối tượng có hoàn cảnh học tập rất khó khăn cả về điều kiện và quan tâm của gia đình, về năng lực nhận thức và ý thức cũng như phương pháp học tập.... Do vậy, đòi hỏi cần phải có sự nghiên cứu kĩ, kế thừa kinh nghiệm trong và ngoài nước và các giải pháp rất cần dựa trên các cơ sở khoa học có ý nghĩa lí luận và thực tiễn thì mới thành công;

- Kĩ năng quản lí thời gian học tập là một kĩ năng quan trọng của hệ thống các kĩ năng học tập hiện đại của học viên, do vậy cần gắn với việc rèn luyện kĩ năng quản lí thời gian học tập với việc rèn luyện các kĩ năng học tập khác để chúng tương thích và hỗ trợ cho nhau, giúp học viên có được hệ thống các kĩ năng học tập hiệu quả;

- Các giải pháp rèn luyện kĩ năng học tập mà tác giả đề xuất đã được nghiên cứu và thử nghiệm, bước đầu đã có những kết quả tốt. Tuy nhiên, khi áp dụng vào thực tế, ngoài việc xác định các đặc điểm học tập, năng lực nhận thức và hoàn cảnh, các nhà nghiên cứu, quản lí giáo dục và giáo viên cần vận dụng linh hoạt để các giải pháp rèn luyện phù hợp và có hiệu quả cao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;

- Từ cấp độ giáo dục học và quản lí giáo dục, các cơ quan quản lí giáo dục, viện nghiên cứu, nhà khoa học giáo dục, các nhà trường thường xuyên tập trung nghiên cứu và triển khai ứng dụng những giải pháp rèn luyện kĩ năng học tập và đặc biệt là "kĩ năng quản lí thời gian học tập", nhằm trực tiếp đem lại năng lực học tập chủ động, suốt đời cho học viên; từ đó thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy và học nhằm mục tiêu lấy người học làm trung tâm, thúc đẩy công cuộc thực

hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Tô Bá Trọng (1997), *Giáo dục thường xuyên, xu hướng phát triển ở Việt Nam*, Tạp chí Thông tin Khoa học Giáo dục.
2. UNESCO (2006), *Hướng dẫn người lớn học như thế nào?*, Văn phòng UNESCO.
3. Tony Buzan (2014), *Rèn luyện kĩ năng học tập theo phương pháp Buzan*, người dịch: Lê Huy Lâm, NXB Tổng hợp TP. HCM.
4. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - lí luận biện pháp kĩ thuật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Ninh Văn Bình (2008), *Biện pháp quản lí hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy học*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

#### **SUMMARY**

*Managing study time is an important skill for everyone in learning society with lifelong learning strategy. To train this skill for students at Center of continuing education is more important because of characteristics of work and study at the same time. The paper presents solutions for practising learning time management skill for high school students at Centers of continuing education, based on scientific basis, through research and personal experience working as a manager at Continuing Education center- Yen Phong district- Bac Ninh province.*